

Số: 869 /2020/QĐST- HNGĐ

Hà Đông, ngày 15 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 868/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về việc : Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ah Nguyễn Thành A, sinh năm 1957.

Đăng ký HKTT và cư trú: Phòng 405, CT4B khu nhà ở X, phường P, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

-Chị Ngô Thị Kim L , sinh năm 1964.

Đăng ký HKTT và cư trú: Số 6, ngách 160/8 đường L, phường T, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành A và chị Ngô Thị Kim L chung sống với nhau từ năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1987. Sau kết hôn anh A, chị L sống ở nhiều nơi đến năm 2011 về sống tại địa chỉ : Số 6, ngách 160/8 đường Lương Thế Vinh, phường Thanh Xuân Bắc, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nay anh A, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Yêu cầu thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thành A và chị Ngô Thị Kim L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[2]. Về con chung: anh A, chị L xác nhận có 03 con chung là Nguyễn Trà My (nữ), sinh ngày 20/01/1989, Nguyễn Thùy Linh (nữ), sinh ngày 02/01/1995 và Nguyễn Tiến Đạt (nam), sinh ngày 23/01/2006. Ly hôn anh A, chị L thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn như sau: Chị L là người trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Tiến Đạt và anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Còn đối với cháu Nguyễn Trà My và cháu Nguyễn Thùy Linh đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản) : anh A, chị L xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ: anh A, chị L xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: anh A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành A và chị Ngô Thị Kim L .

- **Về con chung:** Xác nhận anh A, chị L có 03 con chung là Nguyễn Trà My (nữ), sinh ngày 20/01/1989, Nguyễn Thùy Linh (nữ), sinh ngày 02/01/1995 và Nguyễn Tiến Đạt (nam), sinh ngày 23/01/2006. Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh A, chị L về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn như sau: Giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến Đạt và anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Tiến Đạt trưởng thành đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu Nguyễn Trà My và cháu Nguyễn Thùy Linh đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là do cháu tự quyết định không đặt ra giải quyết.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung** (gồm động sản, bất động sản): anh A, chị L xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về công nợ:** anh A, chị L xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.Về lệ phí Tòa án: Anh A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh A đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009912 ngày 03/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H. anh A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
 - Viện KSND quận Hà Đông;
 - Chi cục THA dân sự quận Hà Đông;
 - UBND xã Tả ThAh Oai, huyện ThAh Trì,
- thành phố Hà Nội; Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn ThAh Thủy

- Lưu hồ sơ;